

Số: TVHN-229/AGIA

An Giang, ngày 17 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm, mực nước cao nhất ngày 16/8 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 30-50cm. Mực nước thấp nhất ngày 16/8 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-75cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống nhanh theo triều. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 16/8 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-45cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 16/8 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-90cm.

- Khu vực cửa sông: Do ảnh hưởng gió mạnh trên biển nên mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên cao, mực nước cao nhất ngày 16/8 đạt mức 80cm, tương đương BĐI.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước xuống theo xu thế triều biến Đông.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong 5 ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé có xu thế xuống triều biến Tây trong 2-3 ngày đầu, sau đó lên lại.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 18/08/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 16/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			17/8	18/8	19/8	20/8	21/8	17/8	18/8	19/8	20/8	21/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	191	52	-74	240	44	-49	234	229	227	225	226	186	182	179	177	176
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	118	46	-21	208	40	14	202	196	192	188	190	114	110	107	104	103
Hậu	Khánh An	420	470	520	328	40	-12	337	39	-9	332	327	324	321	321	325	320	315	313	312
	Châu Đốc	300	350	400	163	40	-45	228	33	-11	222	218	215	213	212	159	155	152	149	148
	Long Xuyên	190	220	250	87	40	8	204	42	34	198	192	188	186	189	83	79	76	73	71
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	125	45	-32	208	38	1	202	198	196	194	195	121	117	114	111	109
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	176	93	93	179	88	-8	178	176	176	178	180	175	174	174	175	177
	Vinh Gia	200	240	280	69	37	-4	73	33	-8	73	74	74	72	71	68	68	67	66	66
	Vinh Điều	170	200	230	63	31	4	69	27	0	68	67	66	64	63	62	62	61	60	60
T3	Vinh Phú	150	180	210	59	22	3	66	22	3	65	64	63	62	61	58	57	56	55	54
T5	Nông Trường	160	190	220	66	24	3	75	26	6	74	73	72	70	69	65	65	64	63	63
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	104	48	-11	110	34	-10	109	108	107	105	104	102	102	101	100	100
	Cô Tô	140	180	220	104	41	18	109	34	20	108	107	106	104	103	102	102	101	100	100
	Nam Thái Sơn	90	120	150	69	29	-	78	24	-	77	76	75	73	72	67	67	66	65	65
Tám Ngán	Lò Gạch	170	210	250	69	35	-8	73	31	-10	73	72	71	69	68	67	67	66	65	65
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	116	42	24	126	37	27	122	121	120	118	117	113	113	112	111	111
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	142	51	2	170	37	16	166	165	164	162	161	136	136	135	134	134
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	78	21	-26	106	19	-6	105	104	103	101	100	75	75	74	73	73
	Tân Thành	120	150	180	83	34	14	95	29	14	94	93	92	90	89	82	82	81	80	80
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	71	33	23	73	19	13	72	71	70	68	67	70	70	69	68	68
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	2	15	16	53	24	11	53	52	51	49	48	1	1	0	-1	-1
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-19	5	7	80	23	32	62	58	57	60	65	-14	-11	-9	-12	-18

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





